TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2019/DS-ST Ngày 09/5/2019	
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phương.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Bùi Thị Việt Hà**.

2. Bà **Mai Thị Trường**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Mạnh Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên toà*:* Ông **Phạm Duy Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-TCDS, ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 28/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-TCDS, ngày 23/4/2019 giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn: Ông Lò Văn K, sinh năm 1957.
Bà Lò Thị P, sinh năm 1959.
Bà Lò Thị N, sinh năm 1966.

Cùng trú tại: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người được ông Lò Văn K và bà Lò Thị N ủy quyền: Bà Lò Thị P, sinh năm 1959.

Trú tại: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lò Thị P; Người được bà Lò Thị P ủy quyền: Bà Lò Thị Khánh H – trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

(Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty C.

Trụ sở: Tổ dân phố X, thị trấn M, huyện M, Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật cho Công ty:

Ông Nguyễn Hữu D - Chức danh: Giám đốc; sinh năm 1956.

CMND: 010009237 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 24/5/2010.

Hộ khẩu thường trú tại: SN Y, phố H, Phường Q, quận B, TP. Hà Nội. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Ngô Xuân T– Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện M.

Trụ sở: Tổ dân phố X, thị trấn M, huyện M, Điện Biên.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án:

Người được ủy quyền của đồng nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn Bà Lò Thị Khánh H trình bày:

Ngày 27/7/2013 Công ty C đã yêu cầu ông Lò (Lù) Văn X (S) tại Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên ký hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất cho Công ty và sau đó Công ty đã sử dụng hợp đồng góp vốn của ông Lò (Lù) Văn X (S) để vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện M. Công ty cam kết với ông Lò (Lù) Văn X (S) là khi góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào Công ty thì ông Lò (Lù) Văn X (S) sẽ trở thành cổ đông của Công ty, được trả tiền công cho việc nhận trồng và chăm sóc cây cà phê, đồng thời được chia cổ tức hàng năm theo diện tích đất góp. Sau này khi vườn cây vào thu hoạch mà ông Lò (Lù) Văn X (S) có nhu cầu lấy lại vườn cây thì Công ty sẽ chuyển nhượng lại vườn cây cho dân. Chính vì vậy, ông Lò (Lù) Văn X (S) đã ký kết hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất giữa ông Lò (Lù) Văn X (S) và Công ty C. Năm 2013, Công ty C tiến hành trồng cà phê trên diện tích đất của ông Lò (Lù) Văn X (S) đã góp vốn vào Công ty. Trong thời gian này, Công ty không tiến hành chăm sóc cho cây cà phê trên diện tích đất mà ông Lò (Lù) Văn X (S) đã góp vốn vào Công ty. Đến năm 2017 vợ chồng ông Lò (Lù) Văn X (S) đã chết, chính vì vậy cho nên không có ai chăm sóc cho số cà phê trên diện tích đất nên cây cà phê bị chết nhiều, cho đến nay cây cà phê trên diện tích đất mà ông Lò (Lù) Văn X (S) góp vốn vào Công ty đã chết gần hết, cây khô cành khô quả không còn giá trị, Công ty không thực hiện đúng các cam kết với người dân, trong khi đó gia đình các con của ông Lò (Lù) Văn X (S) rất cần đất để canh tác, sản xuất phục vụ cuộc sống.

Nay, tôi đại diện cho đồng nguyên đơn (Ông Lò Văn K, Lò Thị N, Lò Thị P) là các con của cụ Lò (Lù) Văn X (S) sinh năm 1928, đã chết năm 2017 và cụ Lò Thị H, sinh năm 1925, đã chết năm 2015), yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết:

Tuyên vô hiệu Hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất lập ngày 27/7/2013 của ông Lò (Lù) Văn X (S) với Công ty C.

Tuyên vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 03/HĐTC ngày 06/01/2010; Một phần hợp đồng thế chấp tài sản số 09/HĐTC ngày 30/06/2010 giữa Công ty C với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện M, phần vô hiệu liên quan tới diện tích đất của ông Lò (Lù) Văn X (S).

Buộc Công ty C trả lại cho những người thừa kế theo pháp luật của ông Lò (Lù) Văn X (S) toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Lò (Lù) Văn X (S) đã góp vào Công ty.

Bị đơn: Công ty C; trụ sở: Tổ dân phố X, thị trấn M, huyện M, Tỉnh Điện Biên, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu D - Chức danh: Giám đốc. Mặc dù được triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng ông D vẫn vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Xuân T – Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện M, Tòa án đã triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Người được ủy quyền của bà Lò Thị P, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Lò Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất giữa ông X (S) và Công ty C, một phần hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 03/HĐTC ngày 06/01/2010, một phần hợp đồng thế chấp tài sản số 09/HĐTC ngày 30/06/2010 và buộc Công ty C, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện M trả lại toàn bộ diện tích đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lò Văn K, bà Lò Thị P, bà Lò Thị N là các con của ông Lò (Lù) Văn X (S) và Lò Thị H đã góp vốn vào Công ty.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng: Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, Tống đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và Tuyên vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 03/HĐTC ngày 06/01/2010; Một phần hợp đồng thế chấp tài sản số 09/HĐTC ngày 30/06/2010 và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu của Người được ủy quyền của đồng nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi

ích hợp pháp của đồng nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là Công ty C có địa chỉ trụ sở Công ty đóng tại Tổ dân phố X - thị trấn Mường Ảng huyện Mường Ảng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng nguyên đơn là các con của vợ chồng ông Lò (Lù) Văn X (S) và bà Lò Thị H (ông X sinh năm 1928, đã chết năm 2017; bà H sinh năm 1925, đã chết năm 2015) cùng trú tại bản Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên ủy quyền cho bà Lò Thị P, sau đó bà P đã ủy quyền cho bà Lò Thị Khánh H là Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên tham gia tố tụng, bà Lò Thị Khánh H còn là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lò Thị P. Căn cứ điều 85 BLTTDS năm 2015, điều 138 BLDS năm 2015, chấp nhận việc ủy quyền giữa các đương sự.

Ngày 02/01/2019 Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất giữa đồng nguyên đơn cùng trú tại Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên và bị đơn là Công ty C. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tống đạt trực tiếp và niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án cho người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Hết thời hạn 15 ngày bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, Tòa án ra Thông báo hòa giải lần 2, đã tiến hành tống đạt trực tiếp và niêm yết công khai nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và tại 02 buổi hòa giải. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Bà Lò Thị Khánh H Người được ủy quyền của bà Lò Thị P, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Lò Thị P có mặt tại phiên tòa. Đại diên Công ty Cvà đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét 01 hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất lập ngày 27/7/2013 giữa ông Lò (Lù) Văn X (S) với Công ty C là có thật, hai bên thỏa thuận: Bên A góp toàn bộ quyền sử dụng đất đối với thửa đất mô tả tại hợp đồng cho bên B thực hiện trồng, chăm sóc và kinh doanh cây cà phê trong thời gian góp vốn. Bên B đồng ý với việc góp vốn của bên A.

Nội dung hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất thể hiện:

Đặc điểm của thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giá trị quyền sử dụng đất góp vốn; thời hạn góp vốn bằng quyền sử dụng đất; mục đích góp vốn bằng quyền sử dụng đất; quyền và trách nhiệm của bên góp vốn và bên nhận góp vốn bằng

quyền sử dụng đất; việc đăng ký góp vốn và các khoản lệ phí liên quan đến việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất; phương thức giải quyết khi có tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng và cam đoan của các bên. Hợp đồng đã được chính quyền địa phương, nơi có thửa đất của hộ gia đình góp vốn chứng thực. Sau khi ký hợp đồng với hộ gia đình, Công ty đã dùng hợp đồng này và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình làm thủ tục để vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện M. Nhưng đến cuối năm 2013, đầu năm 2014, Công ty đã không chăm sóc vườn cà phê, đã bỏ mặc vườn cây cà phê đã trồng. Người dân đã góp đất cho Công ty vì vậy mà không có đất để canh tác, sản xuất, không có thu nhập để phục vụ cuộc sống.

Về thủ tục góp vốn: Hội đồng xét xử xét thấy, khi ký kết hợp đồng góp vốn, bên A chưa thực hiện đầy đủ các thủ tục để góp vốn theo quy định của pháp luật, Vì: Khi ký kết hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng chung của hộ gia đình thì phải được tất cả các thành viên có đủ năng lực hành vi dân sự ký tên hoặc có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật quy định tại điều 109, điều 122 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 146 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai. Bên A là người dân tộc và cư trú ở vùng hẻo lánh, vùng đặc biệt khó khăn nên còn hạn chế về nhận thức pháp luật. Mặt khác, khi Ủy ban nhân dân xã Mường Lạn chứng thực cũng không xem xét toàn diện, đầy đủ về nội dung, hình thức của hợp đồng, không xem xét ý chí của các thành viên trong hộ nên đã chứng thực cho hợp đồng. Thủ tục góp vốn chưa có văn bản ủy quyền giữa các thành viên trong hộ cho đại diện hộ gia đình để đại diện hộ gia đình có cơ sở ký kết hợp đồng góp vốn. Nội dung hợp đồng vi phạm nguyên tắc tự do, tự nguyện, thỏa thuận theo quy định tại điều 4 Bộ luật dân sự, bởi lẽ: Đại diện hộ gia đình ký kết Hợp đồng góp vốn với tài sản góp vốn là Quyền sử dụng đất của cả hộ gia đình nhưng chưa được các thành viên trong hộ đồng ý (chưa có chứng cứ gì thể hiện ý chí của các thành viên trong hộ về việc nhất trí góp vốn), như vậy là chưa "tự nguyện". Vì vậy, đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất đã ký kết với Công ty C là có cơ sở do bên góp vốn và bên nhận góp vốn chưa hoàn thiện các thủ tục góp vốn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn:

Tuyên vô hiệu Hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất lập ngày 27/7/2013 giữa ông Lò (Lù) Văn X (S) với Công ty C,

Tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng thế chấp tài sản: số 09/HĐTC ngày 30/06/2010 và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 03/HĐTC ngày 06/01/2010 giữa Công ty C với Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện M liên quan đến quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Lò (Lù) Văn X (S).

Khôi phục lại tình trạng ban đầu: Buộc Công ty C và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện M có trách nhiệm hoàn trả cho đồng nguyên đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất mà ông Lò (Lù) Văn X (S) đã góp vốn cho Công ty C.

Đối với cây cà phê do Công ty C trồng trên diện tích đất mà ông Lò (Lù) Văn X (S) góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất vào công ty từ năm 2013, cuối năm 2013 Công ty C bỏ mặc cây cà phê không đầu tư, chăm sóc, hộ gia đình ông Lò (Lù) Văn X (S) đã tự bỏ công sức và tiền của gia đình để chăm sóc cây cà phê nhưng do không đủ điều kiện cũng như kỹ thuật vì thế cây cà phê kém phát triển, cả vườn cà phê bị bệnh hại khô cành, khô quả, không còn giá trị (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/02/2019) thì sự phát triển của cây cà phê không còn sống, cây cà phê đã bị chết khô, Hội đồng xét xử không xem xét vì hiện nay cây cà phê trên diện tích của hộ gia đình ông Lò (Lù) Văn X (S) không còn.

Giải quyết hậu quả của một phần hợp đồng hợp đồng thế chấp tài sản số 09/HĐTC ngày 30/06/2010 và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 03/HĐTC ngày 06/01/2010 vô hiệu: Buộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện M trả lại cho Công ty C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Lò (Lù) Văn X (S) để Công ty C trả cho hộ gia đình ông Lò (Lù) Văn X (S) đã ký hợp đồng góp vốn với Công ty. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện M không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty C phải trả khoản tiền gốc và lãi phát sinh mà bên Công ty thế chấp diện tích đất và giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Lò (Lù) Văn X (S) để vay vốn của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện M có quyền khởi kiện Công ty C để đòi lại khoản tiền vay theo các hợp đồng thế chấp vay vốn nêu trên bằng vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người được ủy quyền của bà Lò Thị P, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Lò Thị P và Kiểm sát viên tại phiên tòa yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu các hợp đồng và giải quyết hậu quả của các hợp đồng vô hiệu là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về Án phí: Do yêu cầu của đồng nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty C phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ. Đồng nguyên đơn thuộc diện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 85; khoản 5 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 109; Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 137, Điều 388, Điều 389, 410 Bộ luật dân sự 2005; Điều 106, 131 Luật đất đai 2003; điều 66 Nghị định 84/2007/NĐ-CP, ngày 25/5/2007; khoản 2 điều 146, điều 155 Nghị định 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004; Điều 29 Luật doanh nghiệp;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng Nguyên đơn, cụ thể:

Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất đã ký kết vào ngày 27/7/2013 giữa nguyên đơn là ông Lò (Lù) Văn X (S) với Công ty C vô hiệu.

Một phần hợp đồng thế chấp tài sản số 09/HĐTC ngày 30/06/2010 và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 03/HĐTC ngày 06/01/2010 giữa Công ty C với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện M vô hiệu. Phần vô hiệu là phần liên quan tới quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Lò (Lù) Văn X (S).

Buộc Công ty C và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện M phải hoàn trả toàn bộ diện tích đất và Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Mường Ảng cấp cho hộ gia đình ông Lò (Lù) Văn X (S), hiện nay ông X (S) và vợ là bà Lò Thị H đã chết, nên giao lại toàn bộ diện tích đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AQ 046816 cấp ngày 25/12/2009 có diện tích là 1.465,8 m^2 cho đồng nguyên đơn (ông K, bà N, bà P) là các con của Cụ X (S) và vợ là cụ Lò Thị H quản lý, sử dụng.

2. Án phí:

Công ty C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Phiên tòa kết thúc cùng ngày, đồng nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương